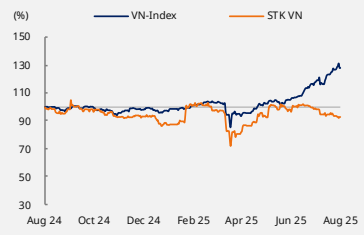


(Hạ khuyến nghị)	Năm giữ
Giá mục tiêu (VND)	▼ 26,900
Giá hiện tại (28/08/2025, VND)	26,050
Lợi nhuận kỳ vọng	+3.2%

LNST cổ đông cty mẹ (25F, tỷ VND)	54		
Kỳ vọng thị trường (25F, tỷ VND)	NA		
Tăng trưởng EPS (25F, %)	183.8		
P/E (25F, x)	66.4		
P/E thị trường (x)	15.8		
VNIndex	1,645		
Vốn hóa (tỷ đồng)	2,368		
SLCP đang lưu hành (triệu)	97		
% tự do chuyển nhượng (%)	61.2		
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%)	17.7		
Beta (12T)	1.1		
Thấp nhất 52 tuần (VND)	18,750		
Cao nhất 52 tuần (VND)	28,000		
(%)	1T	6T	12T
Tuyệt đối	-5.8	-10.1	-6.1
Tương đối	-14.0	-36.2	-34.2



CTCP Chứng khoán Mirae Asset (Vietnam)

BÙI NGỌC CHÂU

chau.bn@miraeasset.com.vn

HOSE: STK • Dệt may

CTCP Sợi Thế Kỷ

Unitex chậm tiến độ, phục hồi gặp khó

Định giá và khuyến nghị

Chúng tôi sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do cho công ty (FCFF) để xác định giá trị hợp lý cổ phiếu của CTCP Sợi Thế Kỷ (STK), với các giả định: 1) Tỷ suất lợi nhuận yêu cầu 13%; và 2) tốc độ tăng trưởng dài hạn sau năm 2035 là 2%. Chúng tôi hạ giá mục tiêu xuống còn 26,900 đồng (từ 31,200 đồng) và hạ khuyến nghị xuống Năm giữ (từ Tăng tỷ trọng).

Bối cảnh vĩ mô và ngành

Theo thông tin từ Chính phủ Hoa Kỳ, thuế đối ứng đã điều chỉnh đối với nhiều nhà xuất khẩu dệt may lớn (trừ Trung Quốc) hầu như tương đương nhau: Bangladesh (20%); Việt Nam (20%); Campuchia (19%); Sri Lanka (20%); Indonesia (19%); và Ấn Độ (25%). Mặc dù chi tiết thỏa thuận vẫn chưa được công bố, nhưng chúng tôi tin rằng tình hình cạnh tranh giữa các nhà xuất khẩu dệt may lớn có thể sẽ không thay đổi và xu hướng chuyển dịch khỏi Trung Quốc sẽ tiếp tục, đặc biệt là đối với các sản phẩm may mặc. Mặt khác, nhu cầu dệt may ở Mỹ trong 6T cuối năm và xa hơn sẽ chịu áp lực do thuế quan cao.

Cập nhật HĐKD

Hoạt động kinh doanh trong Q2 2025 của STK đã được cải thiện, mặc dù tiếp tục gặp khó khăn. Doanh thu của công ty tăng nhẹ lên 333.3 tỷ đồng (+9.9% CK). Giá vốn hàng bán giảm 6% CK xuống còn 271.3 tỷ đồng và lợi nhuận gộp đạt 62.1 tỷ đồng (+327.9% CK). Trong quý, STK kiểm soát tốt chi phí khi hầu hết các khoản mục chi phí đều ghi nhận giảm. Công ty ghi nhận lợi nhuận hoạt động đạt 1.8 tỷ đồng (Q2 2024: lỗ 50.5 tỷ đồng). STK ghi nhận khoản lỗ ròng 6 tỷ đồng (Q2 2024: lỗ 55.7 tỷ đồng).

Trong 6T 2025, tổng doanh thu của STK đạt 709.7 tỷ đồng (+24.7% CK). Với giá bán trung bình khoảng 2,100 USD/tấn, khối lượng bán vào khoảng 13,400 tấn (+22.9% CK) trong 6T. Khối lượng này chỉ đến từ các nhà máy hiện tại, vì Unitex vẫn chưa đi vào hoạt động chính thức do các thủ tục liên quan đến giấy chứng nhận phòng cháy chữa cháy. Lợi nhuận hoạt động và LNST 6T của STK lần lượt đạt 50.3 tỷ đồng (6T 2024: lỗ 49.5 tỷ đồng) và 29.6 tỷ đồng (6T 2024: lỗ 55 tỷ đồng).

Dự phóng năm 2025

Do sự chậm trễ của nhà máy Unitex và nhu cầu dệt may khả năng sẽ thấp ở các thị trường trọng điểm trong nửa cuối 2025, chúng tôi hạ dự báo năm 2025 về sản lượng sản xuất của STK xuống còn 29,000 tấn (từ 52,000 tấn). Trong đó, chúng tôi dự báo khối lượng từ các nhà máy hiện tại và Unitex lần lượt là 24,000 tấn (trước đó 32,000) và 5,000 tấn (trước đó 20,000). Chúng tôi điều chỉnh giả định về tỷ giá VND/USD lên 26,300 (trước đó: 25,700). Do đó, chúng tôi giảm dự phóng doanh thu năm 2025 của STK xuống còn 1,601 tỷ đồng (+32.3% CK; trước đó: 2,806.4 tỷ đồng). Chúng tôi cũng điều chỉnh các giả định về chi phí và lãi suất. Do đó, chúng tôi dự báo lợi nhuận hoạt động và LNST 2025 của STK lần lượt là 61.3 tỷ đồng (+140% CK) và 53.9 tỷ đồng (+335% CK).

Năm	2023	2024	2025	2026	2027
Doanh thu (tỷ VND)	1,426	1,210	1,602	2,209	2,430
LNHĐ (Tỷ VND)	89	26	61	316	401
Biên LNHĐ (%)	6.2	2.1	3.8	14.3	16.5
LNST CĐ Cty mẹ (tỷ VND)	88	12	54	278	353
EPS (VND)	933	130	369	1,739	2,212
ROE (%)	5.5	0.8	3.2	13.6	14.5
P/E (x)	30.1	56.7	66.4	14.1	11.1
P/B (x)	1.6	1.5	2.0	1.7	1.5

Nguồn: Dữ liệu doanh nghiệp, Bloomberg, Mirae Asset Vietnam Research

Please see analyst certifications and important disclosures & disclaimers in Appendix 1 at the end of the report.

Bảng 1. KQKD và dự phóng (tỷ VND)							
	6T 2025	6T 2024	% CK	Dự phóng mới 2025F	Dự phóng cũ 2025F	Kỳ vọng thị trường	Kế hoạch
Doanh thu	709.7	568.9	+24.7	1,601.7	2,806.4	NA	3,270
LNST	29.6	-55	NA	53.9	319.3	NA	309.8

Nguồn: Dữ liệu doanh nghiệp, Bloomberg, Mirae Asset Vietnam Research

Bảng 2. KQKD thực hiện và kế hoạch (tỷ VND)						
FY	Doanh thu			LNST		
	Kế hoạch	Thực hiện	% Chênh lệch	Kế hoạch	Thực hiện	% Chênh lệch
2020	1,798.5	1,767.4	-1.7	130.4	144.4	10.7
2021	2,357.7	2,043.4	-13.3	248.2	278.5	12.2
2022	2,605.7	2,116.8	-18.9	300.3	242.3	-19.3
2023	2,149.3	1,425.6	-33.7	253.1	87.8	-65.3
2024	2,703.5	1,210.5	-55.2	300.5	12.4	-95.8

Nguồn: Dữ liệu doanh nghiệp, Bloomberg, Mirae Asset Vietnam Research

Bảng 3. Định giá: Kích bản cơ sở		
Nợ vay trên tổng nợ vay và VCSH cuối 2025:	(x)	0.5
VCSH trên tổng nợ vay và VCSH cuối 2025:	(x)	0.5
Lãi suất nợ dài hạn:	(%)	8.0
Tỉ suất lợi nhuận yêu cầu:	(%)	13.0
Tỉ lệ tăng trưởng dài hạn:	(%)	2.0
Thuế TNDN:	(%)	12.0
Chi phí vốn bình quân gia quyền (WACC):	(%)	10.0
Giá trị cuối cùng:	(tỷ VND)	2,099.5
Tổng giá trị dòng FCFF chiết khấu:	(tỷ VND)	2,257.6
Tổng nợ vay dự phóng cuối 2025:	(tỷ VND)	1,754.8
Lợi ích cổ đông không kiểm soát cuối 2025:	(tỷ VND)	0.0
Giá trị nội tại của doanh nghiệp:	(tỷ VND)	2,602.3
Giá trị nội tại mỗi cổ phần:	(VND)	26,929

Nguồn: Mirae Asset Vietnam Research

Bảng 4. Các giả định chính					
Giá bán sợi			Hoạt động		
Kỳ dự phóng	2025 - 2035		Tiền và tương đương tiền tối thiểu (tỷ VNĐ):	200	
Kịch bản cơ sở	Dự phóng		Thuế suất thuế TNDN:	12%	
Kịch bản lạc quan	3.00%		Tỷ giá VNĐ/USD:	26,300	
Kịch bản bi quan	-3.00%				
Chi phí			Nợ và lãi suất		
Khoản mục	2025		Thay đổi		
Nhân công	90	Tỷ VNĐ	Lạm phát theo tổng	Lãi tiền gửi:	4%
Mua ngoài	180	Tỷ VNĐ	Lạm phát theo tổng	Lãi vay ngắn hạn:	5%
Khác	10	Tỷ VNĐ	Lạm phát theo tổng	Lãi vay dài hạn:	8%
Quản lý & bán hàng	60	Tỷ VNĐ	Lạm phát theo tổng	Nợ ngắn hạn tối thiểu (tỷ VNĐ):	500
Khấu hao			Mô hình định giá		
Phương pháp khấu hao	Đường thẳng		Tỷ suất lợi nhuận yêu cầu:	13%	
Tài sản hiện có:	20 năm		Tăng trưởng dài hạn:	2%	
CAPEX:	30 năm				

Nguồn: Mirae Asset Vietnam Research

Bảng 5. Chỉ tiêu tài chính: Kịch bản cơ sở

		2025F	2026F	2027F	2028F	2029F	2030F	2031F	2032F	2033F	2034F	2035F
Doanh thu	(tỷ VND)	1,602	2,209	2,430	2,651	2,762	2,872	2,927	3,038	3,093	3,203	3,259
LNHĐ	(tỷ VND)	61	316	401	434	470	504	465	499	504	532	539
Biên LNHĐ	(%)	3.8	14.3	16.5	16.4	17.0	17.6	15.9	16.4	16.3	16.6	16.5
LNTT	(tỷ VND)	61	316	401	434	470	504	465	499	504	532	539
LNST CĐ Cty mẹ	(tỷ VND)	54	278	353	382	414	444	410	439	444	468	474
EPS	(tỷ VND)	369	1,739	2,212	2,391	2,592	2,778	2,565	2,750	2,779	2,929	2,969
ROE	(%)	3.2	13.6	14.5	14.2	14.2	13.9	11.8	11.8	11.1	10.9	10.3
P/E	(x)	66.4	14.1	11.1	10.2	9.5	8.8	9.6	8.9	8.8	8.4	8.3
P/B	(x)	2.0	1.7	1.5	1.4	1.3	1.2	1.1	1.0	0.9	0.9	0.8
Tổng tài sản	(tỷ VND)	3,830	4,111	4,215	4,376	4,474	4,649	4,823	5,021	5,317	5,645	5,971
VCSH	(tỷ VND)	1,761	2,314	2,572	2,794	3,048	3,332	3,582	3,862	4,146	4,454	4,768

Nguồn: Dữ liệu doanh nghiệp, Bloomberg, Mirae Asset Vietnam Research

Bảng 6. Chỉ tiêu tài chính: Kịch bản lạc quan

		2025F	2026F	2027F	2028F	2029F	2030F	2031F	2032F	2033F	2034F	2035F
Doanh thu	(tỷ VND)	1,650	2,275	2,503	2,731	2,844	2,958	3,015	3,129	3,186	3,299	3,356
LNHĐ	(tỷ VND)	111	390	487	532	575	622	594	640	657	698	718
Biên LNHĐ	(%)	6.7	17.1	19.4	19.5	20.2	21.0	19.7	20.5	20.6	21.1	21.4
LNTT	(tỷ VND)	111	390	487	532	575	622	594	640	657	698	718
LNST CĐ Cty mẹ	(tỷ VND)	98	343	428	468	506	547	523	563	578	614	631
EPS	(tỷ VND)	668	2,149	2,682	2,930	3,170	3,426	3,274	3,527	3,619	3,844	3,954
ROE	(%)	5.7	16.2	16.5	16.1	15.6	15.2	13.1	12.9	12.1	11.8	11.1
P/E	(x)	36.7	11.4	9.1	8.4	7.7	7.2	7.5	6.9	6.8	6.4	6.2
P/B	(x)	2.0	1.6	1.4	1.3	1.1	1.0	0.9	0.9	0.8	0.7	0.7
Tổng tài sản	(tỷ VND)	3,842	4,126	4,287	4,540	4,806	5,111	5,397	5,718	6,148	6,621	7,103
VCSH	(tỷ VND)	1,805	2,424	2,756	3,064	3,411	3,798	4,161	4,565	4,983	5,437	5,909

Nguồn: Dữ liệu doanh nghiệp, Bloomberg, Mirae Asset Vietnam Research

Bảng 7. Chỉ tiêu tài chính: Kịch bản bi quan

		2025F	2026F	2027F	2028F	2029F	2030F	2031F	2032F	2033F	2034F	2035F
Doanh thu	(tỷ VND)	1,586	2,143	2,357	2,572	2,679	2,786	2,839	2,947	3,000	3,107	3,161
LNHĐ	(tỷ VND)	46	243	315	332	356	381	332	353	349	363	359
Biên LNHĐ	(%)	2.9	11.3	13.3	12.9	13.3	13.7	11.7	12.0	11.6	11.7	11.3
LNTT	(tỷ VND)	46	243	315	332	356	381	332	353	349	363	359
LNST CĐ Cty mẹ	(tỷ VND)	40	214	277	292	314	336	292	311	307	320	315
EPS	(tỷ VND)	274	1,338	1,734	1,831	1,963	2,101	1,828	1,945	1,925	2,001	1,976
ROE	(%)	2.4	10.7	11.9	11.8	11.9	12.0	9.9	10.1	9.5	9.4	8.9
P/E	(x)	89.4	18.3	14.1	13.4	12.5	11.7	13.4	12.6	12.7	12.2	12.4
P/B	(x)	2.0	1.7	1.6	1.5	1.4	1.4	1.3	1.2	1.2	1.1	1.1
Tổng tài sản	(tỷ VND)	3,826	4,095	4,199	4,360	4,457	4,545	4,620	4,691	4,789	4,899	4,976
VCSH	(tỷ VND)	1,747	2,237	2,418	2,550	2,704	2,880	3,012	3,163	3,311	3,471	3,626

Nguồn: Dữ liệu doanh nghiệp, Bloomberg, Mirae Asset Vietnam Research

Luận điểm đầu tư, định giá và rủi ro

Luận điểm đầu tư

CTCP Sợi Thế Kỷ (STK) là một công ty dệt may tập trung vào các sản phẩm sợi polyester. Các sản phẩm chính của công ty là sợi DTY, FDY và POY nguyên sinh và tái chế. STK hiện đang vận hành hai nhà máy sợi tại TP.HCM và Đồng Nai, với tổng công suất 63,000 tấn/năm. Ngoài ra, STK là công ty duy nhất trong khu vực ASEAN hợp tác chiến lược với Unifi Inc để phát triển các loại sợi tái chế và sợi giá trị cao.

Định giá

Chúng tôi sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do cho công ty (FCFF) để xác định giá trị hợp lý cổ phiếu của STK, với các giả định: 1) Tỷ suất lợi nhuận yêu cầu 13%; và 2) tốc độ tăng trưởng dài hạn sau năm 2035 là 2%. Chúng tôi hạ giá mục tiêu xuống còn 26,900 đồng (từ 31,200 đồng) và hạ khuyến nghị xuống Nắm giữ (từ Tăng tỷ trọng).

Rủi ro chính

Những rủi ro chính đối với khuyến nghị và định giá của chúng tôi, bao gồm:

- Yêu cầu nhập khẩu phế liệu và nhựa tái chế của Chính phủ Việt Nam có thể tăng lên, dẫn đến chi phí nguyên vật liệu tăng cao, ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của công ty.
- Biến động tỷ giá USD/VND có liên quan trực tiếp đến chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ.
- Nhu cầu dệt may tại các thị trường xuất khẩu trọng điểm ảnh hưởng đến nhu cầu sợi.
- Biến động giá dầu thô và PET.

CTCP Sợi Thế Kỷ (HOSE: STK)

Báo cáo HDKD (tóm tắt)

(Tỷ VND)	2024	2025	2026	2027
Doanh thu	1,210.5	1,601.7	2,209.2	2,430.1
Giá vốn hàng bán	-1,049.0	-1,373.1	-1,749.5	-1,895.1
Lãi gộp	163.2	228.6	459.7	535.0
Thu nhập tài chính	12.9	4.2	8.0	8.0
Chi phí tài chính	-85.8	-111.5	-90.3	-77.9
Thu nhập từ công ty liên kết	0.0	0.0	0.0	0.0
Chi phí quản lý và bán hàng	-64.8	-60.0	-61.8	-63.7
Lợi nhuận hoạt động	25.5	61.3	315.6	401.4
Lợi nhuận khác	-6.6	0.0	0.0	0.0
Lợi nhuận trước thuế	18.9	61.3	315.6	401.4
Thuế TNDN	-6.5	-7.4	-37.9	-48.2
Lợi nhuận sau thuế	12.4	53.9	277.7	353.2

Bảng cân đối kế toán (tóm tắt)

(Tỷ VND)	2024	2025	2026	2027
Tiền và tương đương tiền	105.6	200.0	200.0	200.0
Các khoản phải thu	105.3	263.3	363.2	399.5
Hàng tồn kho	616.1	406.7	528.8	575.0
Tài sản lưu động khác	170.0	131.6	181.6	199.7
Tài sản ngắn hạn	997.1	1,001.6	1,273.5	1,374.2
Tài sản cố định	2,671.8	2,685.7	2,694.6	2,698.5
Tài sản đầu tư	13.8	13.8	13.8	13.8
Tài sản dài hạn khác	128.6	128.6	128.6	128.6
Tài sản dài hạn	2,814.2	2,828.1	2,837.0	2,840.9
Tổng tài sản	3,811.2	3,829.7	4,110.5	4,215.1
Các khoản phải trả	445.2	305.0	396.6	431.3
Nợ ngắn hạn	857.6	962.4	698.4	611.0
Nợ dài hạn	792.5	792.5	692.5	592.5
Nợ khác	8.6	8.6	8.6	8.6
Nợ phải trả	2,103.9	2,068.4	1,796.1	1,643.3
VCSH và các quỹ	1,032.1	1,032.1	1,403.3	1,403.3
LNST chưa phân phối	675.3	729.2	911.1	1,168.5
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	0.0	0.0	0.0	0.0
Tổng VCSH	1,628.9	1,761.3	2,314.4	2,571.8
Tổng nguồn vốn	3,811.2	3,829.7	4,110.5	4,215.1

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tóm tắt)

(Tỷ VND)	2024	2025	2026	2027
Lợi nhuận sau thuế	12.4	53.9	277.7	353.2
Khấu hao	92.8	136.1	141.1	146.1
Thay đổi vốn lưu động	140.3	-50.4	-180.3	-66.0
Lãi từ hoạt động đầu tư	-0.4	0.0	0.0	0.0
Khác	42.2	0.0	0.0	0.0
Dòng tiền hoạt động kinh doanh	287.4	139.7	238.5	433.3
Tiền mua TSCĐ và đầu tư vốn	-935.1	-150.0	-150.0	-150.0
Khác	-0.7	0.0	0.0	0.0
Dòng tiền hoạt động đầu tư	-935.9	-150	-150	-150
Dòng tiền vay ròng	590.6	104.7	-363.9	-187.4
Phát hành/(mua lại) cổ phần	0.0	0.0	371.3	0.0
Cổ tức tiền	0.0	0.0	-95.8	-95.8
Dòng tiền hoạt động tài chính	590.6	104.7	-88.5	-283.3
Lưu chuyển tiền thuần	-57.9	94.4	0.0	0.0
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	163.5	105.6	200.0	200.0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	105.6	200.0	200.0	200.0

Các chỉ số chính

	2024	2025	2026	2027
P/E (x)	56.7	66.4	14.1	11.1
P/B (x)	1.5	2.0	1.7	1.5
EPS (VND)	130	369	1,739	2,212
BPS (VND)	17,668	12,047	14,493	16,104
DPS (VND)	0	0	600	600
Tăng trưởng doanh thu (%)	-15.1	32.3	37.9	10.0
Tăng trưởng LN hoạt động (%)	-71.3	140.0	414.9	27.2
Tăng trưởng EPS (%)	-86.1	183.8	371.4	27.2
Tỉ suất cổ tức (%)	0.0	0.0	2.4	2.4
Vòng quay phải thu (x)	4.4	6.1	6.1	6.1
Vòng quay hàng tồn kho (x)	1.7	3.0	3.0	3.0
Vòng quay phải trả (x)	2.7	4.1	4.1	4.1
ROA (%)	0.4	1.4	7.0	8.5
ROE (%)	0.8	3.2	13.6	14.5
Phải trả trên VCSH (%)	27.3	17.3	17.1	16.8
Nợ trên VCSH (%)	101.3	99.6	60.1	46.8
Tỉ lệ đảm bảo lãi vay (x)	1.3	1.5	4.5	6.1

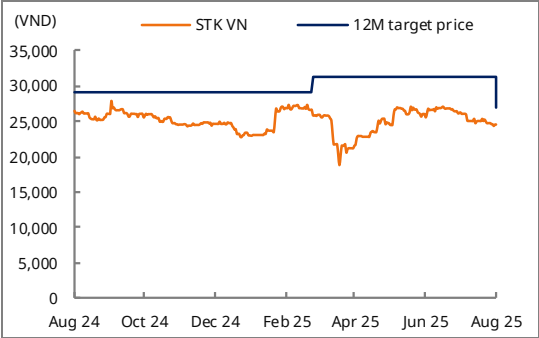
Nguồn: STK, Mirae Asset Securities Research

Phụ lục

Khuyến cáo quan trọng

Lịch sử khuyến nghị và giá mục tiêu 2 năm gần nhất

Công ty (mã cổ phiếu)	Ngày	Khuyến nghị	Giá mục tiêu
CTCP Sợi Thế Kỷ	28/08/2025	Nắm giữ	26,900
CTCP Sợi Thế Kỷ	17/03/2025	Tăng tỷ trọng	31,200
CTCP Sợi Thế Kỷ	01/08/2024	Tăng tỷ trọng	29,200
CTCP Sợi Thế Kỷ	26/04/2024	Tăng tỷ trọng	31,800
CTCP Sợi Thế Kỷ	28/01/2024	Tăng tỷ trọng	30,900



Hệ thống khuyến nghị cổ phiếu

Mua	: Lợi nhuận kỳ vọng từ 20% trở lên
Tăng Tỷ Trọng:	Lợi nhuận kỳ vọng từ 10% trở lên
Nắm Giữ	: Lợi nhuận kỳ vọng trong khoảng +/-10%
Bán	: Lợi nhuận kỳ vọng từ -10% trở xuống

Thang đánh giá ngành

Tích Cực	: Các yếu tố cơ bản thuận lợi hoặc đang cải thiện
Trung Tính	: Các yếu tố cơ bản ổn định và dự kiến không có thay đổi trọng yếu
Tiêu Cực	: Các yếu tố cơ bản không thuận lợi hoặc theo xu hướng xấu

- * Hệ thống khuyến nghị của chúng tôi dựa trên lợi nhuận kỳ vọng về tăng trưởng giá cổ phiếu trong vòng 12 tháng tiếp theo.
- * Giá mục tiêu được xác định bởi chuyên viên phân tích áp dụng các phương pháp định giá được đề cập trong báo cáo, một phần dựa trên dự phóng của người phân tích về lợi nhuận trong tương lai.
- * Việc đạt giá mục tiêu có thể chịu tác động từ các rủi ro liên quan đến cổ phiếu, doanh nghiệp, cũng như điều kiện thị trường, ví mô nói chung.

Khuyến cáo

Kể từ ngày phát hành, Chứng Khoán Mirae Asset và các chi nhánh không có bất kỳ lợi ích đặc biệt liên quan đến doanh nghiệp chủ thể và không sở hữu trên 1% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của doanh nghiệp chủ thể.

Xác nhận của chuyên viên phân tích

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm thực hiện báo cáo này xác nhận rằng (i) những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân các tổ chức phát hành và chứng khoán trong báo cáo và (ii) không có phần thù lao nào của chuyên viên phân tích đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Tương tự như các nhân viên trong công ty, Chuyên viên phân tích nhận được thù lao dựa trên doanh thu và lợi nhuận tổng thể của Chứng Khoán Mirae Asset, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, Ngân hàng đầu tư hoặc Tư vấn doanh nghiệp. Tại thời điểm phát hành báo cáo, Chuyên viên phân tích không biết về bất kỳ xung đột lợi ích thực tế, trọng yếu nào của Chuyên viên phân tích hoặc Chứng Khoán Mirae Asset.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là MAS), là công ty chứng khoán được đăng ký tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong tài liệu này đã được tổng hợp từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong tài liệu này hoặc của bất kỳ bản dịch nào sang tiếng Anh từ tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của một báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng tiếp nhận được nhắm đến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, những người có kiến thức đáng kể về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán, và không có việc cá nhân nào tiếp nhận hoặc sử dụng báo cáo này sẽ vi phạm bất kỳ luật hoặc quy định hoặc đối tượng của MAS và các chi nhánh đối với các yêu cầu về đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện các giao dịch bất kỳ chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo không cấu thành lời khuyên đầu tư cho bất kỳ người nào và người đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS chỉ vì nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính hoặc nhu cầu của các khách hàng cá nhân. Báo cáo không được dựa vào để thay thế cho việc thực hiện phán quyết độc lập. Thông tin và ý kiến trong tài liệu này là kể từ ngày của tài liệu này và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ chúng có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là biểu thị cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại lý của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng tài liệu này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích đã chuẩn bị chúng. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh của MAS và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại lý của họ có thể có các vị trí dài hoặc ngắn trong bất kỳ chứng khoán chủ đề nào vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường mở hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên giao đại lý hoặc bên đại lý. MAS và các chi nhánh của nó có thể đã có, hoặc có thể mong đợi tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty chủ thể để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của tài liệu này có thể được sao chép hoặc tái tạo theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Mirae Asset Securities International Network

Mirae Asset Securities Co., Ltd. (Seoul)

One-Asia Equity Sales Team
Mirae Asset Center 1 Building
26 Eulji-ro 5-gil, Jung-gu, Seoul 04539
Korea

Tel: 82-2-3774-2124

Mirae Asset Securities (USA) Inc.

810 Seventh Avenue, 37th Floor
New York, NY 10019
USA

Tel: 1-212-407-1000

PT. Mirae Asset Sekuritas Indonesia

Equity Tower Building Lt. 50
Sudirman Central Business District
Jl. Jend. Sudirman, Kav. 52-53
Jakarta Selatan 12190
Indonesia
Tel: 62-21-515-3281

Mirae Asset Securities Mongolia UTsk LLC

#406, Blue Sky Tower, Peace Avenue 17
1 Khoroo, Sukhbaatar District
Ulaanbaatar 14240
Mongolia

Tel: 976-7011-0806

Shanghai Representative Office

38T31, 38F, Shanghai World Financial Center
100 Century Avenue, Pudong New Area
Shanghai 200120
China

Tel: 86-21-5013-6392

Mirae Asset Securities (HK) Ltd.

Units 8501, 8507-8508, 85/F
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon
Hong Kong
Tel: 852-2845-6332

Mirae Asset Wealth Management (USA) Inc.

555 S. Flower Street, Suite 4410,
Los Angeles, California 90071
USA

Tel: 1-213-262-3807

Mirae Asset Securities (Singapore) Pte. Ltd.

6 Battery Road, #11-01
Singapore 049909
Republic of Singapore

Tel: 65-6671-9845

Mirae Asset Investment Advisory (Beijing) Co., Ltd

2401B, 24th Floor, East Tower, Twin Towers
B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District
Beijing 100022
China

Tel: 86-10-6567-9699

Ho Chi Minh Representative Office

7F, Saigon Royal Building
91 Pasteur St.
District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City
Vietnam

Tel: 84-8-3910-7715

Mirae Asset Securities (UK) Ltd.

41st Floor, Tower 42
25 Old Broad Street,
London EC2N 1HQ
United Kingdom

Tel: 44-20-7982-8000

Mirae Asset Wealth Management (Brazil) CCTVM

Rua Funchal, 418, 18th Floor, E-Tower Building
Vila Olimpia
Sao Paulo - SP
04551-060
Brazil
Tel: 55-11-2789-2100

Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC

7F, Le Meridien Building
3C Ton Duc Thang St.
District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City
Vietnam

Tel: 84-8-3911-0633 (ext.110)

Beijing Representative Office

2401A, 24th Floor, East Tower, Twin Towers
B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District
Beijing 100022
China

Tel: 86-10-6567-9699 (ext. 3300)

Mirae Asset Capital Markets (India) Private Limited

Unit No. 506, 5th Floor, Windsor Bldg., Off CST Road,
Kalina, Santacruz (East), Mumbai – 400098
India

Tel: 91-22-62661336